

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/LĐ-ST

Ngày: 18-01-2018

V/v: Tranh chấp bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;
2. Ông Đào Văn Nô.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 36/2017/TLST-LĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp bảo hiểm xã hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trịnh Thị Trâm A, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 93, Khu phố 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH G; địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Go Sun J, sinh năm 1963; chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị Trâm A trình bày: Vào ngày 18/3/2015, bà Trâm A được Công ty TNHH I, nay là công ty TNHH G (Sau đây viết tắt là Công ty G) tuyển dụng

vào làm ở bộ phận may. Sau thời gian thử việc khoảng 05 tháng, ngày 01/8/2015 bà Trâm A và Công ty G ký kết Hợp đồng lao động số 100440/2015/HĐLĐ-INT, thời hạn 12 tháng. Sau đó hai bên tiếp tục ký kết Hợp đồng lao động số 100440-HĐLĐ, ngày 01/8/2016 với mức lương cơ bản 3.800.000 đồng/tháng. Ngày 01/4/2017, bà Trâm A xin thôi việc vì lý do cá nhân và được Công ty G chấp nhận. Tuy nhiên, Công ty G không trả số bảo hiểm xã hội cho bà Trâm A theo quy định của pháp luật. Hành vi của Công ty G đã gây thiệt hại là bà Trâm A không được lĩnh bảo hiểm thất nghiệp do không đăng ký trong thời hạn quy định. Vì vậy, bà Trâm A khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+ Buộc Công ty TNHH G trả lại Sổ Bảo hiểm xã hội cho bà Trịnh Thị Trâm A;

+ Buộc Công ty TNHH G phải bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A với số tiền là $(3.800.000 \text{ đồng/tháng} \times 60\%) \times 03 \text{ tháng} = 6.840.000 \text{ đồng}$.

+ Buộc Công ty TNHH G phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A theo quy định của pháp luật từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2017.

Tại phiên tòa bà Trịnh Thị Trâm A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không trình bày gì thêm.

- **Bà Go Sun Ja là người đại diện theo pháp luật của bị đơn công ty TNHH G trình bày:** Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà Trâm A về thời gian làm việc, về việc ký kết và chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH G với bà Trịnh Thị Trâm A. Mức lương cơ bản của bà Trâm A theo hợp đồng lao động là 3.800.000 đồng/tháng cùng với các quyền lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế...

Hiện nay, Công ty G đang gặp nhiều khó khăn về tài chính, công ty thua lỗ kéo dài, nợ nần chồng chất nên sau khi bà Trâm A nghỉ việc tại Công ty G đến nay thì do Công ty G chưa chốt được sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trâm A nên chưa trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trâm A được. Việc Công ty G nợ tiền bảo hiểm của bà Trâm A và chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội để trả cho bà Trâm A là sai nên Công ty G cam kết sẽ khắc phục hậu quả trong thời gian sớm nhất. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Trâm A, Công ty TNHH G có ý kiến như sau:

+ Công ty TNHH G sẽ có trách nhiệm thanh toán số nợ bảo hiểm xã hội để chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trâm A.

+ Công ty TNHH G đồng ý đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trâm A tại Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2017 theo yêu cầu của bà Trâm A.

+ Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH G bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp với số tiền là $(3.800.000 \text{ đồng/tháng} \times 60\%) \times 03 \text{ tháng} = 6.840.000 \text{ đồng}$ thì Công ty TNHH G không đồng ý vì lý do đã trễ hạn đăng ký thất nghiệp nhưng sau này chốt sổ sẽ bảo lưu.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà Go Sun Ja có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bị đơn thừa nhận từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2017 do công ty gặp khó khăn nên chưa đóng bảo hiểm theo quy định cho bà Trâm A và đồng ý sẽ đóng bảo hiểm cho bà Trâm A để chốt sổ bảo hiểm trả cho bà A. Như vậy, yêu cầu khởi kiện này là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH G phải bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A với số tiền là $(3.800.000 \text{ đồng/tháng} \times 60\%) \times 03 \text{ tháng} = 6.840.000 \text{ đồng}$. Bị đơn không đồng ý vì cho rằng khi chốt sổ bảo hiểm sẽ được bảo lưu. Bà Trâm A không cung cấp chứng cứ thể hiện việc có đăng ký bảo hiểm thất nghiệp nhưng do thiếu sổ bảo hiểm nên không thể đăng ký được. Như vậy, chưa đủ căn cứ chứng minh nguyên đơn bị thiệt hại; bị đơn phải đóng bảo hiểm và trả sổ bảo hiểm cho nguyên đơn nên nguyên đơn vẫn được bảo lưu thời gian đã đóng bảo hiểm và vẫn có quyền yêu cầu cơ quan bảo hiểm trả số tiền bảo hiểm thất nghiệp tính trên thời gian làm việc cho bị đơn nếu bị thất nghiệp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án lao động về việc tranh chấp Bảo hiểm xã hội mà bị đơn có trụ sở tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 32, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty TNHH G trả lại Sổ Bảo hiểm xã hội; bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A với số tiền 6.840.000 đồng và đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A theo quy định của pháp luật từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2017, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Các đương sự thống nhất trình bày: Vào ngày 18/3/2015, Công ty TNHH I (nay đổi tên thành Công ty TNHH G, sau đây viết tắt là Công ty G) tuyển dụng bà Trịnh Thị Trâm A vào làm việc ở bộ phận may. Sau thời gian thử việc 05 tháng, Công ty đã ký kết Hợp đồng lao động số 100440/2015/HĐLĐ-INT ngày 01/8/2015 với bà Trâm A thời hạn 12 tháng. Sau đó hai bên tiếp tục ký kết Hợp đồng lao động số 100440-HĐLĐ ngày 01/8/2016 với thời hạn 12 tháng, mức lương cơ bản là 3.800.000 đồng/tháng cùng với các quyền lợi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế. Ngày 01/4/2017, bà Trâm A làm đơn xin thôi việc vì lý do cá nhân và được phía Công ty G chấp nhận. Tuy nhiên, sau khi bà Trâm A nghỉ việc, Công ty G chưa nộp và chốt sổ bảo hiểm xã hội nên chưa trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trâm A. Nay Công ty TNHH G đồng ý đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A tại Bảo hiểm xã hội thị xã T từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2017 theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Đây là những tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Kết quả xác minh tại Bảo hiểm xã hội thị xã T thể hiện: Bà Trịnh Thị Trâm A làm việc tại Công ty G từ tháng 8/2015 đến tháng 4/2017. Công ty G có báo cáo trên hệ thống quản lý bảo hiểm xã hội về việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trâm A. Tuy nhiên, trên thực tế Công ty G mới đóng các loại bảo hiểm của tháng 8/2015 và tháng 9/2015 cho bà Trâm A. Từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2017, Công ty G không đóng bảo hiểm xã hội cho bà Trâm A tại Bảo hiểm xã hội thị xã T.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại sổ bảo hiểm xã hội và đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A theo quy định của pháp luật từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2017 là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về khoản yêu cầu Công ty G phải bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A với số tiền là $(3.800.000 \text{ đồng/tháng} \times 60\%) \times 03 \text{ tháng} = 6.840.000 \text{ đồng}$. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 47 Bộ luật lao động thì: *“Người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội và những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ lại của người lao động”*. Theo quy định tại Điều 50 Luật Việc làm thì nếu người đã đóng bảo hiểm từ đủ 12 tháng đến 36 tháng thì mức bảo hiểm thất nghiệp được hưởng là 60% mức lương đóng bảo hiểm thất nghiệp. Trên hệ thống bảo hiểm xã hội thì bà Trâm A đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 8/2015 đến 4/2017 nên bà Trâm A đủ điều kiện để được hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, do Công ty G không thực hiện đúng trách nhiệm là đóng các loại tiền bảo hiểm và trả sổ bảo hiểm cho bà Trâm A đúng quy định, lỗi thuộc về của Công ty G nên khi nghỉ việc bà Trâm A không được cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán khoản tiền bảo hiểm thất nghiệp này. Như vậy, đây là thiệt hại thực tế nên công ty phải bồi thường do lỗi của mình gây ra.

[2.4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận một phần. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng chưa đủ căn cứ về việc nguyên đơn bị thiệt hại là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[2.5] Về án phí lao động sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 31, 33, 35, 80, 131, 202, 219, 238, 243 và 245 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 47 và 202 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 50 Luật Việc làm năm 2013;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Trâm A đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc: Tranh chấp Bảo hiểm xã hội.

2. Công ty TNHH G phải thực hiện các nghĩa vụ đối với bà Trịnh Thị Trâm A cụ thể như sau:

2.1. Công ty TNHH G phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A theo quy định của pháp luật từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2017;

2.2. Công ty TNHH G phải trả lại Sổ Bảo hiểm xã hội cho bà Trịnh Thị Trâm A.

2.3. Công ty TNHH G phải bồi thường tiền bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trịnh Thị Trâm A với số tiền 6.840.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Bà Trịnh Thị Trâm A không phải nộp án phí lao động sơ thẩm.

3.2. Công ty TNHH G phải nộp số tiền 342.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4.2. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- CCTHADS thị xã T (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền